

BÁO CÁO

Về tình hình, kết quả thực hiện cải cách hành chính
năm 2018

SỞ NỘI VỤ TỈNH SÓC TRĂNG

ĐẾN Số: 11597
Ngày: 21/11/2018

Chuyển:.....

Lưu hồ sơ số:.....

I. TÌNH HÌNH TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao tại các kế hoạch, chương trình, đề án về cải cách hành chính của tỉnh.

2. Báo cáo tình hình tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC liên quan đến ngành triển khai trên địa bàn tỉnh (bao gồm nhiệm vụ mới, không thuộc nhiệm vụ liệt kê tại khoản 1, mục I, Phụ lục này).

** Đơn vị không được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao các kế hoạch, chương trình, đề án về cải cách hành chính của tỉnh: Các nội dung trên, đơn vị xin được không báo cáo.*

3. Báo cáo tình hình ban hành và triển khai các văn bản chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính triển khai tại đơn vị, địa phương

a. Những nội dung đã ban hành

Căn cứ các Kế hoạch và văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh Sóc Trăng. Trong năm 2018, Ban Quản lý dự án 1 đã xây dựng và ban hành các văn bản thực hiện cải cách hành chính của đơn vị như sau:

- Kế hoạch số 136/KH-BQL ngày 05/3/2018 về tổ chức thực hiện công tác cải cách hành chính của đơn vị năm 2018.

- Kế hoạch Tuyên truyền cải cách hành chính số 172/KH-BQL ngày 15/3/2018, được triển khai trong toàn đơn vị.

- Kế hoạch số 137/KH-BQLDA ngày 06/3/2018 về kiểm tra công tác cải cách hành chính trong đơn vị.

- Quyết định phân công cán bộ, viên chức thực hiện nhiệm vụ nhận hồ sơ và trả kết quả cũng như Quy chế hoạt động của bộ phận một cửa.

- Quyết định Ban hành Quy chế về quản lý, khai thác và cập nhật thông tin điện tử Ban Quản lý dự án 1 tỉnh Sóc Trăng.

- Ban hành Quyết định và Quy trình thực hiện công tác văn thư tại bộ phận Văn phòng và các quy trình nghiệm thu công trình, đồng thời ban hành Quy chế thực hiện công tác văn thư, lưu trữ áp dụng trong toàn đơn vị.

b. Đánh giá rõ hiệu quả, tiến độ, tỷ lệ phần việc đã triển khai đến thời điểm báo cáo

Trên cơ sở xác định các nhiệm vụ trọng tâm của 06 nội dung cải cách hành chính, đơn vị đã bám sát tiến độ công việc theo yêu cầu kế hoạch năm 2018 đã đề ra, những kết quả chủ yếu đạt được cụ thể sau:

- Thủ tục hành chính có bước chuyển biến rõ rệt, công khai, minh bạch trên bảng niêm yết thủ tục hành chính tại Văn phòng và trên Website của đơn vị tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

- Bộ máy hành chính hoạt động hiệu quả hơn, không chồng chéo về chức năng nhiệm vụ; tổ chức thực hiện cơ chế một cửa; thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đơn vị sự nghiệp công lập. Định kỳ rà soát chức năng nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, biên chế của đơn vị, đang tiến hành thực hiện kế hoạch giảm đầu mối (ghép phòng Kế hoạch tổng hợp và phòng Tài chính kế toán thành phòng Kế hoạch Tài chính).

- Công tác xây dựng, quản lý đội ngũ cán bộ, viên chức có bước tiến mới như:

+ Xây dựng cơ cấu viên chức gắn với vị trí việc làm;

+ Thực hiện các quy định về tiêu chuẩn chức danh đối với CBVC;

+ Thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, phẩm chất đạo đức của CBVC (cử đào tạo, học tập và bồi dưỡng) cụ thể gồm: QLNN ngạch chuyên viên 12 (Viên chức), chuyên viên chính 01(VC); cải cách hành chính 06 (VC); kỹ năng nghiệp vụ 10 VC. Tổ chức thi tuyển viên chức (hình thức kiểm tra sát hạch) là 17 người; cử cán bộ thi nâng ngạch CVC 01 (VC).

- Cải cách tài chính công bằng quy chế chi tiêu nội bộ đã thực hiện đạt hiệu quả tích cực.

- Trụ sở làm việc được tình đầu tư khang trang, tiện ích, điều kiện và môi trường làm việc tốt hơn đã tác động tích cực đến tinh thần và tâm lý trong mỗi cán bộ, viên chức trong thực hiện nhiệm vụ được giao, nhất là bộ phận một cửa văn phòng. Thực hiện kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của đơn vị được nâng lên.

- Về Kết quả thực hiện kế hoạch tuyên truyền:

Đã triển khai thực hiện các nội dung tuyên truyền cải cách hành chính theo bản phụ lục của kế hoạch, cụ thể:

+ Phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về cải cách hành chính và các văn bản có liên quan;

+ Thực hiện niêm yết danh mục và nội dung TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (Văn phòng);

+ Triển khai “Cam kết của lãnh đạo về giải quyết TTHC đúng hẹn, đúng luật”.

+ Kết quả triển khai “Cam kết của người đứng đầu trong thực hiện cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh;

+ Tiếp thu, giải đáp những phản ánh, ý kiến của người dân, doanh nghiệp về chất lượng, quy trình, thời gian thực hiện thủ tục hành chính về lĩnh vực XDCB và những đề xuất, kiến nghị (nếu có);

+ Thiết lập Cổng thông tin điện tử Ban Quản lý dự án 1 tỉnh Sóc Trăng, (Website: www.bqlda1.soctrang.gov.vn) Đưa tin, bài, ghi hình về Kết quả thực hiện cải cách hành chính lên Trang thông tin điện tử của đơn vị;

+ Tham gia Hội thi cải cách hành chính (đăng ký tham gia hội thi do Sở Nội vụ phối hợp với Công đoàn Viên chức và Đoàn Khối các cơ quan tỉnh tổ chức).

- Về Kết quả thực hiện kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính tại đơn vị:

+ Kiểm tra công tác chỉ đạo, điều hành: Quyết định phân công lãnh đạo cơ quan phụ trách công tác CCHC và bản phân công viên chức tham mưu cho người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện công tác CCHC tại đơn vị đã thực hiện đầy đủ.

+ Kiểm tra công tác xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật (xây dựng hoặc tham mưu, phối hợp xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật tại đơn vị. Chưa thực hiện việc rà soát văn bản quy phạm pháp luật).

+ Kiểm tra cải cách thủ tục hành chính: Thực hiện tốt việc công khai đầy đủ, kịp thời các thủ tục hành chính theo quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, Cổng thông tin điện tử của đơn vị; kết quả thực hiện việc giải quyết các thủ tục hành chính tại đơn vị; tiếp nhận, xử lý các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với thủ tục hành chính. Đơn vị chưa thực hiện việc khảo sát đánh giá mức độ hài lòng của doanh nghiệp, tổ chức về TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết; việc thực hiện các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính.

+ Cải cách tổ chức bộ máy: Qua kiểm tra, đơn vị đã thực hiện tốt việc tuân thủ các quy định của pháp luật về tổ chức bộ máy; việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị.

+ Kiểm tra công tác xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, viên chức, đạt kết quả sau: Tuyển dụng và bố trí, sử dụng viên chức, hợp đồng chuyên môn đúng đề án vị trí việc làm và cơ cấu viên chức của đơn vị; thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng viên chức và giải quyết tốt các chế độ, chính sách đối với CBVC-LĐ.

+ Đổi mới cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập: Việc thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại đơn vị; thông qua việc giám sát chi thường xuyên bằng quy chế chi tiêu nội bộ.

+ Hiện đại hóa hành chính: Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin tại đơn vị (ứng dụng phần mềm trong quản lý văn bản; sử dụng mạng nội bộ; sử dụng thư điện tử; văn bản điện tử dạng ảnh (PDF); cung cấp thông tin trên Cổng thông tin điện tử.

+ Kiểm tra thực hiện cơ chế một cửa: Số lượng thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa (kèm phụ lục); áp dụng, tổ chức ứng dụng công nghệ thông tin và chất lượng phục vụ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

4. Báo cáo việc triển khai giải pháp, cách làm hay trong thực hiện cải cách hành chính của ngành, đơn vị, địa phương

- Giám đốc trực tiếp chỉ đạo và phân công cấp Trường các phòng chuyên môn phụ trách công tác cải cách hành chính để thường xuyên kiểm tra, đôn đốc và tổ chức thực hiện kịp thời các văn bản chỉ đạo, điều hành về thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của Tỉnh và của đơn vị đề ra.

- Khuyến khích những tập thể, cá nhân có sáng kiến, kinh nghiệm hay ứng dụng hiệu quả khoa học công nghệ trong công tác cải cách hành chính; nếu đạt thành tích sẽ được biểu dương khen thưởng.

II. KẾT QUẢ CHỦ YẾU ĐẠT ĐƯỢC

1. Đối với báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của tỉnh

** Tóm tắt kết quả nổi bật đạt được trong triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính được giao theo chức năng, nhiệm vụ của ngành:*

1. Cải cách thể chế

- Về đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng và ban hành văn bản tại đơn vị: Công tác soạn thảo và ban hành văn bản của đơn vị ngày càng được quan tâm đúng mức về thể thức, trình tự, thủ tục ban hành. Các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành (nội bộ đơn vị) cơ bản tuân thủ chặt chẽ trình tự, thủ tục theo quy định hiện hành.

- Về công tác tự kiểm tra và rà soát văn bản quy phạm pháp luật (nội bộ): Văn phòng tham mưu Ban Giám đốc báo cáo công tác tự kiểm tra văn bản do các phòng chuyên môn soạn thảo trình lãnh đạo ký ban hành có nội dung thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước chuyên ngành của đơn vị.

2. Cải cách thủ tục hành chính

- Thực hiện cải cách thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước chuyên ngành theo quy định của Chính phủ, các bộ, ngành và của UBND tỉnh, phục vụ tốt nhiệm vụ quản lý dự án đầu tư xây dựng của đơn vị.

- Quyết định về việc kiện toàn cán bộ, viên chức đầu mối (Phó Văn phòng) làm nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính.

- Tổ chức bộ phận một cửa tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Ban Quản lý dự án 1, kèm theo việc ban hành quy chế, quy trình xử lý văn bản đi, đến.

- Về công khai thủ tục hành chính: Cập nhật, công khai thủ tục hành chính niêm yết tại Văn phòng và trên Cổng thông tin điện tử của đơn vị và các hình thức công khai khác theo quy định.

- Việc thực hiện các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính theo quy định của Chính phủ bao gồm: kết quả sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ thủ tục hành chính và các quy định liên quan đến thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền. Đến thời điểm báo cáo, đơn vị chưa tiến hành rà soát các văn bản, quyết định... đã ban hành trong nội bộ đề lên phương án thực hiện đơn giản hóa thủ tục hành chính phục vụ hiệu quả hơn công tác quản lý của đơn vị.

- Kết quả thực hiện tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị (không phát sinh).

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

- Tổ chức bộ máy của Ban Quản lý dự án 1 tỉnh Sóc Trăng thực hiện theo Quy chế tổ chức và hoạt động được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 30/3/2017.

- Quá trình hoạt động, Giám đốc tiếp tục ban hành các Quyết định về việc phân công tập thể Ban Giám đốc, phân công ủy quyền các Phó giám đốc và phân công nhiệm vụ công tác đối với viên chức lãnh đạo, quản lý cấp phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Ban.

- Ban hành các Quy chế làm việc, Đề án vị trí việc làm, các quy hoạch, kế hoạch về công tác tổ chức, nhân sự trong đơn vị.

- Về tình hình tổ chức thực hiện rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế tại đơn vị. Qua rà soát, đánh giá được các vấn đề sau:

+ Đơn vị đảm bảo thực hiện đúng các Nghị định, Thông tư của Trung ương và Quyết định của UBND tỉnh về tổ chức và hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập.

+ Tình hình quản lý biên chế: hoạt động ổn định, tuân thủ đúng theo Đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt. Đầu tháng 8/2018 đã tổ chức đợt thi tuyển Viên chức cho 17 hợp đồng chuyên môn.

+ Tình hình triển khai thực hiện quy chế làm việc: tuân thủ đầy đủ theo các nội dung, điều khoản của bản Quy chế làm việc đã được ban hành tại Quyết định số 87/QĐ-BQLDA ngày 18/4/2017 của Giám đốc Ban Ban Quản lý dự án 1 tỉnh Sóc Trăng.

+ Về kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động tại đơn vị: Ban Giám đốc thường xuyên kiểm tra tiến độ cũng như chất lượng các dự án thuộc Ban quản lý.

- Về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông: Do đơn vị mới được xây dựng Trụ sở mới (chuyển về hoạt động đầu tháng 8/2018) nên bắt đầu từ tháng 8/2018 đơn vị tổ chức bộ phận một cửa, tình hình triển khai và kết quả thực hiện cơ chế một cửa đang từng bước đưa vào nền nếp. Do đặc thù chuyên ngành, đơn vị giải quyết thủ tục hành chính chủ yếu là với các doanh nghiệp đối tác trong thực hiện các dự án.

- Đánh giá tình hình về cơ sở vật chất, trang thiết bị của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả phục vụ hoạt động cơ chế một cửa: Đầu tháng 8/2018 đơn vị chuyển về trụ sở làm việc mới với những tiện ích tương đối đầy đủ, đáp ứng yêu cầu giải quyết công việc của tất cả bộ phận trong Ban.

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, viên chức

- Xác định vị trí việc làm và cơ cấu công chức, viên chức: Đánh giá mức độ thực hiện cơ cấu công chức, viên chức trên thực tế của đơn vị so với Đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt là phù hợp với quy mô, phạm vi, tính chất hoạt động chuyên môn của đơn vị.

- Thực hiện các quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức: Chủ yếu thi hành Luật Viên chức năm 2010; Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về Tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 56/2015/NĐ-CP về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức và Bộ luật Lao động năm 2012.

- Về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức:

Giám đốc đã ban hành Kế hoạch số 262/KH-BQLDA ngày 28/4/2017 về chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức, lao động giai đoạn 2017-2021. Riêng kết quả từ đầu năm 2018 đến nay đã cử số lượt CBVCLĐ được đào tạo, bồi dưỡng các lĩnh vực sau:

- Chuyên môn nghiệp vụ: 01 người (Đại học)

- Lý luận Chính trị: Cao cấp 03 người; Trung cấp: 08 người.

- Quản lý nhà nước: - Chuyên viên chính 01 người; - Chuyên viên: 12 người (vào cuối năm 2017).

- Kỹ năng nghiệp vụ: 10 lượt người.

5. Cải cách tài chính công

- Đơn vị thực hiện cơ chế tự chủ tài chính theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17/7/2017 của Bộ tài chính ban hành quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước đã tạo điều kiện cho các đơn vị chủ động sử dụng nguồn lực tài chính để thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Đơn vị ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý, sử dụng tài sản công giai đoạn 2018-2019; tăng cường tính minh bạch và công khai tài chính theo quy định.

Nhìn chung, việc thực hiện cơ chế tự chủ về tài chính ở đơn vị đã đi vào nề nếp; quy chế chi tiêu nội bộ, quản lý tài sản công được thủ trưởng đơn vị phổ biến công khai đến công chức, viên chức và người lao động hàng năm. Từ đó đơn vị thực hiện tốt các quy định của pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính.

6. Hiện đại hóa nền hành chính

Ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan, đơn vị:

+ Tiếp tục duy trì ứng dụng phần mềm quản lý văn bản, sử dụng mạng nội bộ (LAN) và mạng Internet trong trao đổi công việc qua hệ thống thư điện tử (Email);

+ Phần mềm PIBMIS Hệ thống quản lý ngân sách dự án đầu tư;

+ Số lượng thủ tục hành chính của đơn vị được cung cấp trực tuyến chủ yếu ở mức độ 3;

+ Thiết lập Trang thông tin điện tử: Website: www.bqlda1.soctrang.gov.vn

+ Đặt mua thiết kế phần mềm quản lý của đơn vị.

* Số liệu theo các biểu mẫu được hướng dẫn tại phụ lục 2 kèm theo công văn này.

2. Đối với báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC của Sở ngành, cấp huyện

a. Báo cáo thông tin theo mẫu sau:

STT	Nội dung	Họ tên	Chức vụ	Email/điện thoại
1	Lãnh đạo phụ trách cải cách hành chính	Nguyễn Minh Hoàng	Giám đốc	0936 293949 hoangqhst@gmail.com
2	Viên chức phụ trách tham mưu cải cách hành chính	Nguyễn Hoàng Nam	Phó chánh Văn phòng	0986 542 125 namdalst@gmail.com
3	Viên chức phụ trách Bộ phận một cửa	Nguyễn Bá Hiếu	Viên chức Văn phòng	0918 228 262
4	Viên chức phụ trách tham mưu CNTT	Hầu Thuận Nhiên	Cán bộ kỹ thuật	0939 686369 thuannhienst@gmail.com

b. Tóm tắt kết quả nổi bật đạt được trong triển khai 06 nhiệm vụ cải cách hành chính và một số nhiệm vụ khác thông qua cung cấp số liệu theo các biểu mẫu được hướng dẫn tại Phụ lục 2 kèm theo Công văn này.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những ưu điểm

- Các công tác trọng tâm của kế hoạch cải cách hành chính đề ra trong năm 2018 đều được triển khai và hoàn thành hiệu quả, đạt chất lượng và tiến độ.
- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo CCHC được thực hiện chặt chẽ, xuyên suốt và kịp thời.
- Công tác cải cách thủ tục hành chính tiếp tục được đẩy mạnh và tuyên truyền cải cách hành chính được truyền tải đầy đủ, kịp thời đến người dân, doanh nghiệp và tất cả cán bộ, viên chức, và người lao động trong đơn vị thông qua các hình thức công khai thủ tục hành chính.

2. Những tồn tại, hạn chế trong thực hiện cải cách hành chính

a. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn một số tồn tại, hạn chế đó là: Một số nhiệm vụ trong 6 nội dung cải cách hành chính của đơn vị đề ra thực hiện đôi lúc còn chậm, chưa kịp thời, tuy nhiên vẫn bảo đảm trong thời gian quy định.

b. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế:

Năm 2018, Ban Quản lý dự án 1 tỉnh Sóc Trăng mới được UBND tỉnh chỉ đạo tham gia cải cách hành chính, nhiệm vụ còn mới mẽ nên gặp không ít khó khăn về khách quan. Bên cạnh đó Trụ sở đơn vị cũng mới được xây dựng xong và đưa vào hoạt động tháng 8/2018 trong thời gian đầu chưa ổn định nên ít nhiều cũng ảnh hưởng đến công tác cải cách hành chính ở bộ phận một cửa của đơn vị.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CCHC THỜI GIAN TỚI

1. Những năm tới tiếp tục đẩy mạnh triển khai kế hoạch cải cách hành chính, bao gồm đẩy mạnh hoàn thành các nhiệm vụ trọng tâm về công tác cải cách hành chính, công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của

Đảng, nhà nước, của Bộ, ngành Trung ương và các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh về cải cách hành chính. Kịp thời thực hiện tốt các quy định của Trung ương, của tỉnh liên quan đến lĩnh vực quản lý, công tác chuyên môn của đơn vị.

2. Tiếp tục đề ra các giải pháp nâng cao chất lượng công tác soạn thảo, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; chủ động rà soát các văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền ban hành hoặc trình lãnh đạo cấp trên đề xuất sửa đổi, bổ sung, những quy định không còn phù hợp.

3. Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá, theo dõi, giám sát các hoạt động liên quan đến công tác CCHC, kiểm soát thủ tục hành chính; xử lý nghiêm những cá nhân trong đơn vị tùy tiện quy định những thủ tục gây khó khăn, phiền hà cho doanh nghiệp, tổ chức và công dân.

4. Kịp thời công bố, công khai thủ tục hành chính; nâng cao trách nhiệm trong việc tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính; thực hiện có hiệu quả cơ chế một cửa.

5. Thực hiện có hiệu quả kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan, đơn vị.

6. Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, củng cố và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC; thực hiện tốt các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC; tổ chức thực hiện tốt đề án vị trí việc làm của đơn vị.

7. Thực hiện chấm điểm và kết quả chi số cải cách hành chính của đơn vị vào cuối năm 2018, kịp thời báo cáo về cơ quan chức năng của tỉnh.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Nêu những kiến nghị, đề xuất đối với tỉnh, bộ, ngành Trung ương về công tác cải cách hành chính trong giai đoạn tới đạt kết quả, hiệu quả cao hơn: Đơn vị không có kiến nghị, đề xuất.

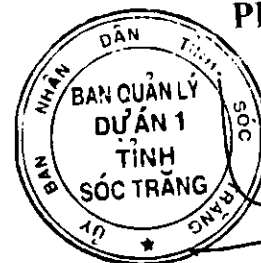
Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2018 của Ban Quản lý dự án 1 tỉnh Sóc Trăng./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- Ban Giám đốc;
- Các phòng thuộc Ban;
- Lưu: VT, VP.

TH **GIÁM ĐỐC**

PHÓ GIÁM ĐỐC



Võ Văn Lộc



PHỤ LỤC 2

Biểu mẫu Thông kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính

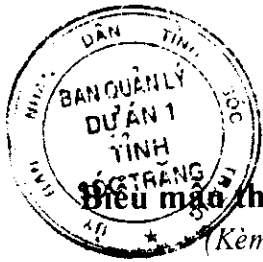
Kiểm theo Báo cáo số 897/BC-BQLDA ngày 19 tháng 11 năm 2018
của Ban Quản lý dự án 1 tỉnh Sóc Trăng)

Biểu mẫu 1B

Thông kê số liệu về công tác kiểm tra thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính Ban Quản lý Dự án 1 tỉnh Sóc Trăng

STT	Nội dung thống kê ¹	Số đơn vị kiểm tra tổng số cơ quan, đơn vị		Số vấn đề đã phát hiện qua kiểm tra	Số vấn đề phát hiện đã được xử lý	Số vấn đề chưa xử lý xong từ kỳ trước đã được xử lý
		Phòng ban	Đơn vị trực thuộc/UBND cấp xã			
1	Kiểm tra công tác CCHC	Đơn vị chưa thực hiện dự kiến tháng 10/2018	0	0	0	0
2	Kiểm tra về thực hiện nhiệm vụ phân cấp quản lý nhà nước	Đơn vị chưa thực hiện dự kiến tháng 10/2018	0	0	0	0
3	Kiểm tra thực hiện việc áp dụng Hệ thống chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001: 2008	Do tính chất đặc thù của đơn vị nên khó trong việc thực hiện chức năng ISO. Nên chỉ thực hiện một số quy trình như: các quy trình nghiệm thu công trình và quy trình thực hiện công tác văn thư tại bộ phận Văn phòng của đơn vị				
4	Kiểm tra việc theo dõi thi hành pháp luật và xử lý vi phạm hành chính	Đơn vị chưa thực hiện dự kiến tháng 9/2018	0	0	0	0
5	Kiểm tra một số nội dung khác (theo dõi thi hành pháp luật,...)	Đơn vị chưa thực hiện dự kiến tháng 9/2018	0	0	0	0

¹ Từng nội dung kiểm tra, đơn vị phải đánh giá sơ bộ kết quả kiểm tra gồm mật được, chưa được, đồng thời gửi kèm kế hoạch, báo cáo. Nội dung đánh giá sẽ nêu tại phần ghi chú này.



PHỤ LỤC 2

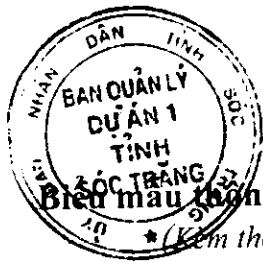
Điều mẫu Thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính

(Kèm theo Báo cáo số 897/BC-BQLDA ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Ban Quản lý dự án 1 tỉnh Sóc Trăng)

Biểu mẫu 2B

Thống kê số liệu về công tác xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật cấp tỉnh

STT	Nội dung thống kê	Tổng số	Ghi chú
1	Kết quả ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) của HĐND, UBND		
-	Số VBQPPL đã được ban hành trong kỳ báo cáo	0	<i>Đơn vị không có số liệu (Vì đơn vị không được giao nhiệm vụ).</i>
-	Số VBQPPL được ban hành đúng tiến độ đã đề ra	0	
-	Số VBQPPL được ban hành đúng quy trình, thủ tục theo quy định	0	
2	Kiểm tra, xử lý VBQPPL	0	
-	Số văn bản đã kiểm tra theo thẩm quyền		<i>Đơn vị chỉ trình các văn bản phê duyệt chủ trương dự án và thực hiện Quản lý dự án đối với các dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng và các dự án khác do cấp có thẩm quyền giao.</i>
-	Số văn bản phát hiện trái pháp luật	0	
-	Số văn bản trái pháp luật đã được xử lý	0	
-	Số văn bản trái pháp luật chưa xử lý xong từ kỳ trước đã được xử lý trong kỳ báo cáo	0	
3	Rà soát VBQPPL		
-	Số VBQPPL phải rà soát trong kỳ báo cáo	0	
-	Số văn bản được đề nghị xử lý sau rà soát	0	
-	Số văn bản đã được xử lý sau rà soát	0	
-	Số VBQPPL chưa xử lý xong của kỳ báo cáo trước đã được xử lý	0	



PHỤ LỤC 2

Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính
 (Kèm theo Báo cáo số 897/BC-BQLDA ngày 19 tháng 11 năm 2018
 của Ban Quản lý dự án 1 tỉnh Sóc Trăng)

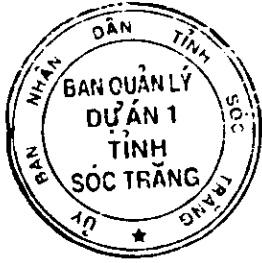
Biểu mẫu 3B

**Thống kê số liệu về công tác kiểm soát TTHC tại Ban Quản lý Dự án 1
 tỉnh Sóc Trăng**

STT	Nội dung thống kê	Số liệu thống kê	Ghi chú
1	Kế hoạch rà soát TTHC		Do đơn vị được thành lập mới, từ năm 2018 được UBND tỉnh đưa vào danh sách thực hiện cải cách hành chính.
2	Số lượng TTHC đã công khai tại Bảng niêm yết TTHC ²	03	Thực hiện Công khai TTHC nội bộ của đơn vị. Các Quy trình nghiệm thu công trình (02 quy trình), quy trình thực hiện công tác văn thư tại bộ phận Văn phòng của đơn vị.
3	Số lượng TTHC đã đăng tải công khai trên Trang thông tin/Trang một cửa điện tử ³	03	Thực hiện Công khai TTHC nội bộ của đơn vị. Đang hoàn chỉnh trang thông tin/Trang một cửa điện tử, do Đơn vị mới dời về trụ sở mới tháng 8/2018. Nên trước mắt thực hiện các quy trình Quản lý dự án (02 quy trình) và quy trình thực hiện công tác văn thư tại bộ phận Văn phòng của đơn vị.
4	Có thực hiện niêm yết địa chỉ tiếp nhận PAKN	Có	TB số 478/TB-BQLDA ngày 10/7/2018
5	Số lượng ý kiến đã tiếp nhận	Không	Không
6	Số lượng ý kiến đã giải quyết	Không	Không

² UBND cấp huyện báo cụ thể số lượng TTHC đã công khai tại Bảng niêm yết TTHC của cấp huyện và từng xã, phường, thị trấn

³ UBND cấp huyện báo cụ thể số lượng TTHC đã đăng tải công khai của cấp huyện và từng xã, phường, thị trấn



PHỤ LỤC 2

Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính

(Kèm theo Báo cáo số 897/BC-BQLDA ngày 19 tháng 11 năm 2018

của Ban Quản lý dự án 1 tỉnh Sóc Trăng)

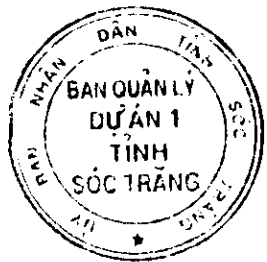
Biểu mẫu 4B

Thống kê số liệu về số lượng TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Dự án 1 tỉnh Sóc Trăng

STT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)			Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
				Số TTHC tham mưu công bố đúng thời hạn quy định	Số TTHC tham mưu công bố muộn so với thời hạn quy định			Số TTHC liên thông ngang ⁴	Số TTHC liên thông dọc ⁵	
<i>1</i>	<i>TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của cơ quan tỉnh</i>									
<i>1</i>	<i>Thẩm định các gói thầu thuộc dự án do Ban làm Chủ đầu tư (nội bộ)</i>		<i>25</i>	<i>25</i>	<i>0</i>	<i>25</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>25 gói thầu thuộc 17 dự án</i>	
Tổng số = (1)			25	25	0	25		0		

⁴ Liên thông giữa các cơ quan hành chính cùng cấp trong giải quyết TTHC.

⁵ Liên thông giữa các cấp hành chính khác nhau trong giải quyết TTHC.



PHỤ LỤC 2

Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính

(Kèm theo Báo cáo số 897/BC-BQLDA ngày 19 tháng 11 năm 2018
của Ban Quản lý dự án 1 tỉnh Sóc Trăng)

Biểu mẫu 5B

Thông kê kết quả tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính nội bộ Ban Quản lý Dự án 1 tỉnh Sóc Trăng

STT	Cơ quan tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC	Số hồ sơ đã tiếp nhận			Kết quả giải quyết						Ghi chú	
		Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết				
			Số kỳ trước chuyên qua	Số mới tiếp nhận	Tổng số	Trả đúng hạn	Trả quá hạn ⁶	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn ⁷		
(1)	(2)	(3) = (4) + (5)	(4)	(5)	(6) = (7) + (8)	(7)	(8)	(9) = (10) + (11)	(10)	(11)	(12)	
I	<i>TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của cơ quan Ban Quản lý dự án 1 tỉnh ST</i>	286	0	286	286	286 (trả lời bằng VB hoặc giải thích trực tiếp)	0	0	0	0	0	<i>Từ tháng 01/2018 đến thời điểm báo cáo</i>
Tổng số = (I) + (II)		286	0	286	286	286	0	0	0	0		

Ghi chú: Chỉ tính tiếp nhận 286 văn bản của các Công ty, Doanh nghiệp gửi đơn vị tại nơi nhận văn bản đơn vị và từ dịch vụ bưu chính (Đơn vị chỉ giải quyết các nội dung văn bản theo thẩm quyền)

⁶ Nêu rõ tại đây tên, lĩnh vực TTHC giải quyết trễ hạn và nguyên nhân trễ hạn

⁷ Nêu rõ tại đây tên, lĩnh vực TTHC giải quyết trễ hạn và nguyên nhân trễ hạn



PHỤ LỤC 2

Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính

(Kèm theo Báo cáo số 897/BC-BQLDA ngày 19 tháng 11 năm 2018
của Ban Quản lý dự án 1 tỉnh Sóc Trăng)

Biểu mẫu 6B

Thống kê số liệu về tổ chức bộ máy, biên chế hành chính tại Ban Quản lý Dự án 1 tỉnh Sóc Trăng

STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng phòng chuyên môn/đơn vị trực thuộc ⁸		Số lượng lãnh đạo cấp sở/UBND cấp huyện			Số lượng lãnh đạo cấp phòng và tương đương/UBND cấp xã				Số lượng biên chế hành chính		Thực hiện tình hình biên chế		Ghi chú	
		Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại ⁹		Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại ¹⁰		Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Số lượng theo Kế hoạch năm		Đã tình giản
						Đủ chuẩn	Thiếu chuẩn ¹¹			Đủ chuẩn	Thiếu chuẩn ¹²					
I	Ban QLDAI tỉnh ST	6	0	5	-1		0	6	0			11		0	0	
II	UBND cấp huyện															
III	UBND cấp xã ¹³															
Tổng số = (I) + (II) + (III)		6	0	5	1		0	6	0			11		0	0	

⁸ Nêu lý do tăng, giảm (do sáp nhập, thành lập mới, giải thể,...)

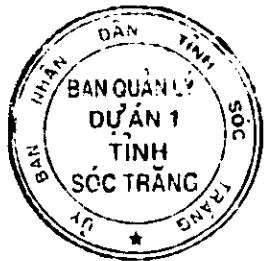
⁹ Thống kê chi tiết tại đây bao nhiêu trường hợp bổ nhiệm mới, bao nhiêu trường hợp bổ nhiệm lại

¹⁰ Thống kê chi tiết tại đây bao nhiêu trường hợp bổ nhiệm mới, bao nhiêu trường hợp bổ nhiệm lại

¹¹ Nêu rõ thiếu chuẩn nào

¹² Nêu rõ thiếu chuẩn nào

¹³ UBND cấp huyện báo cáo cụ thể từng xã, phường, thị trấn thuộc quyền quản lý



PHỤ LỤC 2

Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính

(Kèm theo Báo cáo số 897/BC-BQLDA ngày 19 tháng 11 năm 2018
của Ban Quản lý dự án 1 tỉnh Sóc Trăng)

Biểu mẫu 7B

Thông kê số liệu về CBCCVC tại Ban Quản lý Dự án 1 tỉnh Sóc Trăng

STT	Cơ quan, đơn vị	Số CBCCVC hiện có mặt		Số đạt chuẩn theo tiêu chuẩn chức danh, VTVL	Số lượng ¹⁴ CBCCVC được đào tạo, bồi dưỡng			Định kỳ chuyển đổi vị trí công tác		Tuyển dụng			Tình hình xử lý kỷ luật CBCCVC		Điều động, chuyển công tác CB CC VC ¹⁵	Nâng lương theo thẩm quyền	
		Biên chế	HD chuyên môn		Đào tạo ¹⁶	Bồi dưỡng nghiệp vụ ¹⁷	Có KH tuyển dụng	Chỉ tiêu chuyển đổi theo quy định	Kết quả thực hiện	Có KH tuyển dụng	Kết quả tuyển dụng ¹⁸	Không qua thi/tuyển đặc cách	Mức khiển trách	Từ mức cảnh cáo trở lên ¹⁹		TX ²⁰	TH ²¹
I	Ban Quản lý dự án 1 tỉnh Sóc Trăng	36	02	38	01	10	17	Đơn vị mới thành lập	0	17	Kiểm tra sát hạch 7/8/2018	Xét tuyển (hình thức kiểm tra sát hạch 17 vc)	0	0	01	15	4

¹⁴ Thống kê số lượng, không thống kê số lượt được đào tạo, bồi dưỡng

¹⁵ Thống kê chi tiết tại đây

¹⁶ Thống kê rõ tại đây có bao nhiêu CBCCVC được cử học tiến sĩ, thạc sĩ, CK1, CK2, đại học,...

¹⁷ Thống kê rõ tại đây có bao nhiêu CBCCVC tham gia bồi dưỡng theo từng chuyên đề

¹⁸ Thống kê đơn vị chấp hành quy định về tuyển dụng CC, VC/tổng số đơn vị thực hiện tuyển dụng

¹⁹ Thống kê rõ tại đây bao nhiêu CBCCVC bị xử lý kỷ luật ở từng mức độ

²⁰ Thường xuyên

²¹ Trước hạn

Ghi chú: 01 Đại học, 10 bồi dưỡng nghiệp vụ (các chứng chỉ chuyên ngành về lĩnh vực xây dựng)



PHỤ LỤC 2

Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính

(Kèm theo Báo cáo số 89/BC-BQLDA ngày 19 tháng 11 năm 2018
của Ban Quản lý dự án 1 tỉnh Sóc Trăng)

Biểu mẫu 8B

Thống kê số liệu về triển khai chính sách cải cách công chức, công vụ tại Ban Quản lý Dự án 1 tỉnh Sóc Trăng

STT	Nội dung thống kê	Số lượng	Ghi chú
1	Số cơ quan hành chính đã hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của công chức	1 đơn vị	Quyết định số 229/QĐ-BQLDA, ngày 21/9/2017 của Giám đốc Ban Quản lý dự án 1 về việc Phê duyệt đề án vị trí việc làm năm 2017 và 2018 của Ban Quản lý dự án 1 tỉnh Sóc Trăng
2	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự (chưa tự chủ) đã hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức	1 đơn vị	
3	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn đã phê duyệt danh mục vị trí việc làm của viên chức	1 đơn vị	
4	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn đã phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức	1 đơn vị	
5	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn đã hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức	1 đơn vị	



PHỤ LỤC 2

Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính

(Kèm theo Báo cáo số 897/BC-BQLDA ngày 19 tháng 11 năm 2018
của Ban Quản lý dự án 1 tỉnh Sóc Trăng)

Biểu mẫu 9B

Thống kê số liệu về cải cách tài chính công tại Ban Quản lý Dự án 1 tỉnh Sóc Trăng

STT	Nội dung thống kê	Số lượng đơn vị		Ghi chú
		Tổng số	Tăng (+)/ giảm (-) so với năm trước	
1	Số cơ quan hành chính thuộc và trực thuộc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý kinh phí hành chính	1	0	Quyết định số 667/QĐ-UBND, ngày 30/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính cho Ban QLDA 1 tỉnh ST
2	Về số lượng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thực hiện cơ chế tự chủ.	1	0	
-	Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	0	0	
-	Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên	1	0	
-	Số đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	0	0	
-	Số đơn vị được nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	0	0	



PHỤ LỤC 2

Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính

(Kèm theo Báo cáo số 897/BC-BQLDA ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Ban Quản lý dự án 1 tỉnh Sóc Trăng)

Biểu mẫu 10B

Thống kê số liệu về kết quả ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước và trong cung cấp dịch vụ công trực tuyến tại Ban Quản lý Dự án 1 tỉnh Sóc Trăng

STT	Cơ quan, đơn vị	Trao đổi văn bản giữa các cơ quan hành chính nhà nước				Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3				Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4				Ghi chú
		Tổng số văn bản đi	Trong đó			Tổng số TTHC đã cung cấp	Hồ sơ đã tiếp nhận			Tổng số TTHC đã cung cấp	Hồ sơ đã tiếp nhận			
			Số văn bản giấy	Số văn bản điện tử	Số văn bản phát hành VB giấy + điện tử		Tổng số	Tiếp nhận tại nơi giải quyết TTHC	Tiếp nhận qua mạng hoặc dịch vụ bưu chính		Tổng số	Tiếp nhận tại nơi giải quyết TTHC	Tiếp nhận qua mạng hoặc dịch vụ bưu chính	
I	Ban QLDAI tỉnh ST	892	892	0	892	62	286	286	286	0	0	0	0	Phần mềm QLVB nội bộ và gmail

Ghi chú: Chỉ tính tiếp nhận 286 văn bản của các Công ty, Doanh nghiệp gửi đơn vị tại nơi nhận văn bản đơn vị và từ dịch vụ bưu chính (Đơn vị chỉ giải quyết các nội dung văn bản theo thẩm quyền, tính từ tháng 01/2018 đến thời điểm báo cáo).



PHỤ LỤC 2

Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính

*Kèm theo Báo cáo số 897/BC-BQLDA ngày 19 tháng 11 năm 2018
của Ban Quản lý dự án 1 tỉnh Sóc Trăng)*

Biểu mẫu 11B

Thống kê số liệu về kết quả triển khai dịch vụ bưu chính công ích (BCCI) tại Ban Quản lý Dự án 1 tỉnh Sóc Trăng

STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng TTHC đã công bố triển khai dịch vụ BCCI	Số lượng TTHC có phát sinh sử dụng dịch vụ BCCI trong kỳ báo cáo		Ghi chú
			Số TTHC tiếp nhận	Số TTHC trả kết quả	
I	Ban Quản lý dự án 1 tỉnh Sóc Trăng	<i>Đơn vị chỉ gửi chuyển phát nhanh các văn bản phát hành cho các sở, ngành, huyện. (Đơn vị không áp dụng được TTHC công bố trên dịch vụ BCCI vì thủ tục phát sinh thẩm định nội bộ chủ yếu tại đơn vị)</i>	0	0	
Tổng (I) + (II) + (III)					



PHỤ LỤC 2

Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính
(theo Báo cáo số 897/BC-BQLDA ngày 19 tháng 11 năm 2018
của Ban Quản lý dự án 1 tỉnh Sóc Trăng)

Biểu mẫu 12

Thống kê tình hình cập nhật thủ tục hành chính trên phần mềm một cửa điện tử

STT	Nội dung thống kê ²²	Số lượng			Ghi chú
		Tiếp nhận	Giải quyết đúng hạn	Giải quyết trễ hạn	
1	Cấp tỉnh	0	0	0	Vi đơn vị không có được giao nhiệm vụ

²² Ghi rõ thời gian kiểm tra, thống kê trên hệ thống



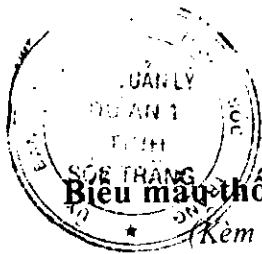
PHỤ LỤC 2

Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính
 theo Báo cáo số 897/BC-BQLDA ngày 19 tháng 11 năm 2018
 của Ban Quản lý dự án 1 tỉnh Sóc Trăng)

Biểu mẫu 13B

Thống kê số liệu về xây dựng, áp dụng và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001:2008 tại sở, ngành. UBND cấp huyện

STT	Nội dung thống kê	Số liệu thống kê	Ghi chú
I	Xây dựng, áp dụng và công bố hệ thống	0	<i>Vi đơn vị đa phần làm tư vấn cho các Chủ đầu tư khác và trình các văn bản hồ sơ dự án cho Sở chuyên ngành thẩm định.</i>
1	Số đơn vị hành chính cấp xã đã công bố áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO	0	
2	Số đơn vị hành chính cấp xã thực hiện đúng quy định trong ISO	0	
II	Duy trì, cải tiến hệ thống	0	<i>Quy trình chủ yếu là Quản lý Văn bản đi, đến tại nội bộ của đơn vị.</i>
1	Thực hiện công bố lại ISO	Không	<i>Đơn vị chỉ trình các văn bản phê duyệt chủ trương dự án và thực hiện Quản lý dự án đối với các dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng và các dự án khác do cấp có thẩm quyền giao.</i>
2	Thực hiện đánh giá nội bộ	Không	
3	Thực hiện xem xét của lãnh đạo đối với hệ thống quản lý chất lượng	Không	
4	Cập nhật các thay đổi của văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động xử lý công việc vào Hệ thống quản lý chất lượng	Không	
5	Nội dung khác	Không	



PHỤ LỤC 2

Biểu mẫu thống kê số liệu báo cáo tình hình, kết quả cải cách hành chính

(Kèm theo Báo cáo số 897/BC-BQLDA ngày 19 tháng 11 năm 2018
của Ban Quản lý dự án 1 tỉnh Sóc Trăng)

Biểu mẫu 14

Thống kê tình hình tiếp nhận và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo

STT	Nội dung thống kê	Số lượng					Ghi chú ²³
		Tiếp nhận			Giải quyết đúng hạn theo quy định	Giải quyết trễ hạn	
		Tổng	Thuộc thẩm quyền	Không thuộc thẩm quyền giải quyết ²⁴			
I	Ban Quản lý dự án 1 tỉnh Sóc Trăng	0	0	0	0	0	

²³ Nêu rõ lý do giải quyết kéo dài hoặc chưa giải quyết

²⁴ Đã chuyển đơn đến cơ quan có thẩm quyền bao nhiêu trường hợp